

Số: 1340/QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày 15 tháng 9 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thông qua Phương án đơn giản hóa 11 thủ tục hành chính lĩnh vực
Tur pháp; Nội vụ; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Khoa học và Công
nghệ; Xây dựng; Lao động - Thương binh và Xã hội thuộc thẩm quyền
giải quyết của tỉnh Tuyên Quang năm 2022

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/06/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/08/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Thực hiện Quyết định số 52/QĐ-UBND ngày 27/01/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc ban hành Kế hoạch rà soát, đánh giá thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang năm 2022;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thông qua Phương án đơn giản hóa 11 thủ tục hành chính trong lĩnh vực Tur pháp; Nội vụ; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Khoa học và Công nghệ; Xây dựng; Lao động – Thương binh và Xã hội thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh Tuyên Quang năm 2022 (có Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Giao Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở; Thủ trưởng Ban, Ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Cục KSTTHC-VPCP;
- Các Bộ: Tư pháp, Nội vụ;
- Nông nghiệp&PTNT; KH&CN; (báo cáo)
- Xây dựng; LĐ-TB&XH;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 4; (thực hiện)
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Công thông tin điện tử tỉnh; (đăng tải)
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Phòng: NC, KT, QHĐT&XD, TH-VX;
- Lưu: VT, THCBKS(Nhung).

CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Sơn

**PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HÓA 11 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH (TTHC)
LĨNH VỰC TƯ PHÁP; NỘI VỤ; NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG
THÔN; KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ; XÂY DỰNG; LAO ĐỘNG – THƯƠNG
BINH VÀ XÃ HỘI THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT
CỦA TỈNH TUYỀN QUANG NĂM 2022**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1340/QĐ-UBND ngày 15 tháng 9 năm 2022
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyền Quang)*

A. LĨNH VỰC TƯ PHÁP (04 thủ tục)

A.1. Thủ tục hành chính cấp tỉnh (02 thủ tục)

1. Lĩnh vực quốc tịch (Thủ tục nhập quốc tịch Việt Nam)

1.1. Nội dung đơn giản hóa: Về thành phần hồ sơ.

Đề nghị bỏ thành phần hồ sơ: Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp đối với thời gian người xin nhập quốc tịch Việt Nam cư trú ở Việt Nam, đối với trường hợp người dưới 14 tuổi xin nhập quốc tịch Việt Nam.

1.2. Lý do:

- Theo khoản 1 Điều 20 Luật Quốc tịch Việt Nam (*sửa đổi, bổ sung năm 2014*) quy định thành phần hồ sơ xin thôi quốc tịch Việt Nam gồm có:

“a) Đơn xin nhập quốc tịch Việt Nam;

b) Bản sao Giấy khai sinh, Hộ chiếu hoặc giấy tờ khác có giá trị thay thế;

c) Bản khai lý lịch;

d) Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp đối với thời gian người xin nhập quốc tịch Việt Nam cư trú ở Việt Nam, Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp đối với thời gian người xin nhập quốc tịch Việt Nam cư trú ở nước ngoài. Phiếu lý lịch tư pháp phải là phiếu được cấp không quá 90 ngày tính đến ngày nộp hồ sơ;

đ) Giấy tờ chứng minh trình độ Tiếng Việt;

e) Giấy tờ chứng minh về chỗ ở, thời gian thường trú ở Việt Nam;

g) Giấy tờ chứng minh bảo đảm cuộc sống ở Việt Nam”.

- Tại khoản 4, Điều 2 Luật Lý lịch tư pháp năm 2009 quy định: *“Phiếu lý lịch tư pháp là phiếu do cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp cấp có giá trị chứng minh cá nhân có hay không có án tích; bị cấm hay không bị cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã trong trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã bị Tòa án tuyên bố phá sản”.*

- Điều 12 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định về độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự như sau:

“1. Người từ đủ 16 tuổi trở lên phải chịu trách nhiệm hình sự về mọi tội phạm, trừ những tội phạm mà Bộ luật này có quy định khác.

2. Người từ đủ 14 tuổi trở lên, nhưng chưa đủ 16 tuổi chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự về tội giết người, tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác, tội hiếp dâm, tội hiếp dâm người dưới 16 tuổi, tội cưỡng dâm người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi, tội cướp tài sản, tội bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản; về tội phạm rất nghiêm trọng, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng...”

Theo quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự của người phạm tội là từ đủ 14 tuổi trở lên, người chưa đủ 14 tuổi không phải chịu trách nhiệm hình sự đối với mọi tội phạm. Vì vậy, không cần thiết phải nộp Phiếu lý lịch tư pháp đối với trường hợp người dưới 14 tuổi xin thôi quốc tịch vì đây là đối tượng không phải chịu trách nhiệm hình sự trong mọi trường hợp.

1.3. Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi Điều 20 Luật Quốc tịch Việt Nam (*sửa đổi, bổ sung năm 2014*) quy định về thành phần hồ sơ xin thôi quốc tịch Việt Nam theo hướng bổ sung quy định: Trường hợp người dưới 14 tuổi xin thôi quốc tịch Việt Nam thì không phải nộp Phiếu lý lịch tư pháp.

1.4. Lợi ích phương án đơn giản hóa: Tạo thuận lợi cho công dân khi thực hiện thủ tục hành chính; giảm chi phí và thời gian đi lại, xác nhận, nộp hồ sơ.

+ Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 35.167.670 đồng/năm.

+ Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 30.597.770 đồng/năm.

+ Chi phí tiết kiệm: 4.569.900 đồng/năm.

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 13%.

2. Lĩnh vực giám định tư pháp (Thủ tục bổ nhiệm và cấp thẻ giám định viên tư pháp)

2.1. Nội dung đơn giản hóa: Về thành phần hồ sơ.

Bỏ Giấy xác nhận về thời gian thực tế hoạt động chuyên môn của cơ quan, tổ chức nơi người được đề nghị bổ nhiệm làm việc đối với trường hợp cá nhân được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền đề nghị bổ nhiệm giám định viên tư pháp theo quy định tại khoản 2 Điều 9 của Luật Giám định tư pháp năm 2012 sửa đổi, bổ sung năm 2020 (*sau đây viết là Luật Giám định tư pháp*).

2.2. Lý do:

Khoản 4 Điều 8 Luật Giám định tư pháp quy định hồ sơ đề nghị bổ nhiệm giám định viên tư pháp gồm có “*Giấy xác nhận về thời gian thực tế hoạt động*

chuyên môn của cơ quan, tổ chức nơi người được đề nghị bổ nhiệm làm việc”. Đồng thời tại khoản 1 Điều 8 Luật Giám định tư pháp quy định một trong các thành phần hồ sơ đề nghị bổ nhiệm giám định viên tư pháp gồm: *“Văn bản đề nghị bổ nhiệm giám định viên tư pháp của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền đề nghị quy định tại khoản 2 Điều 9 của Luật này hoặc đơn đề nghị bổ nhiệm giám định viên tư pháp của cá nhân đã là giám định viên tư pháp nhưng bị miễn nhiệm do nghỉ hưu hoặc thôi việc để thành lập Văn phòng giám định tư pháp”.*

Quy định nêu trên cho thấy, việc quy định trường hợp cá nhân được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền đề nghị bổ nhiệm giám định viên tư pháp theo quy định tại khoản 2 Điều 9 của Luật Giám định tư pháp cần phải nộp đồng thời hai loại giấy tờ gồm: (1) *Văn bản đề nghị bổ nhiệm giám định viên tư pháp của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền đề nghị quy định tại khoản 2 Điều 9 của Luật này hoặc đơn đề nghị bổ nhiệm giám định viên tư pháp của cá nhân đã là giám định viên tư pháp nhưng bị miễn nhiệm do nghỉ hưu hoặc thôi việc để thành lập Văn phòng giám định tư pháp* và (2) *Giấy xác nhận về thời gian thực tế hoạt động chuyên môn của cơ quan, tổ chức nơi người được đề nghị bổ nhiệm làm việc* là không thực sự cần thiết. Thực tế, chỉ cần bổ sung nội dung: *“Xác nhận về thời gian thực tế hoạt động chuyên môn của cơ quan, tổ chức nơi người được đề nghị bổ nhiệm làm việc”* trong *“Văn bản đề nghị bổ nhiệm giám định viên tư pháp của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền đề nghị”* đã đảm bảo đầy đủ, chặt chẽ trong quá trình tiếp nhận, giải quyết hồ sơ đề nghị bổ nhiệm giám định viên tư pháp; đồng thời giúp đơn giản hóa thành phần hồ sơ, thuận tiện và nhanh chóng cho người có yêu cầu trong quá trình nộp hồ sơ đề nghị bổ nhiệm, cấp thẻ giám định viên tư pháp.

2.3. Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi Luật Giám định tư pháp quy định hồ sơ đề nghị bổ nhiệm giám định viên tư pháp theo hướng bổ quy định về *“Giấy xác nhận về thời gian thực tế hoạt động chuyên môn của cơ quan, tổ chức nơi người được đề nghị bổ nhiệm làm việc”* tại khoản 4 Điều 8 Luật Giám định Tư pháp, đồng thời bổ sung nội dung *“Xác nhận về thời gian thực tế hoạt động chuyên môn của cơ quan, tổ chức nơi người được đề nghị bổ nhiệm làm việc”* trong *“Văn bản đề nghị bổ nhiệm giám định viên tư pháp của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền đề nghị”* tại khoản 1 Điều 8 Luật Giám định Tư pháp.

2.4. Lợi ích phương án đơn giản hóa: Tạo thuận lợi cho công dân khi thực hiện thủ tục hành chính; giảm chi phí và thời gian đi lại, xác nhận, nộp hồ sơ.

- + Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 52.751.505 đồng/năm.
- + Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 45.896.655 đồng/năm.
- + Chi phí tiết kiệm: 6.854.850 đồng/năm.
- + Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 13%.

A.2. Thủ tục hành chính cấp huyện (01 thủ tục)

*** Lĩnh vực Hộ tịch:**

1. Nội dung đơn giản hóa: Đề xuất thủ tục thay đổi, cải chính hộ tịch cho người chưa đủ 14 tuổi và xác định lại dân tộc được thực hiện tại Ủy ban nhân dân cấp huyện.

2. Lý do: Tại điểm b, khoản 1, Điều 7 Luật Hộ tịch năm 2014 quy định Ủy ban nhân dân cấp xã đăng ký hộ tịch trong các trường hợp sau:

b) Đăng ký thay đổi, cải chính hộ tịch cho người chưa đủ 14 tuổi; bổ sung thông tin hộ tịch cho công dân Việt Nam cư trú ở trong nước;”.

Tại điểm b, khoản 2, Điều 7 Luật Hộ tịch năm 2014 quy định Ủy ban nhân dân cấp huyện đăng ký hộ tịch trong các trường hợp sau:

“b) Đăng ký thay đổi, cải chính hộ tịch cho công dân Việt Nam từ đủ 14 tuổi trở lên cư trú ở trong nước; xác định lại dân tộc;”

- Theo đó, thủ tục thay đổi, cải chính cho người chưa đủ 14 tuổi được thực hiện tại Ủy ban nhân dân cấp xã, thủ tục xác định lại dân tộc thực hiện tại Ủy ban nhân dân cấp huyện. Như vậy, khi công dân chưa đủ 14 tuổi xác định lại dân tộc mà có yêu cầu cải chính hộ tịch phải đến hai cơ quan cấp xã và cấp huyện để giải quyết TTHC, trong khi Ủy ban nhân dân cấp huyện cũng có thẩm quyền thay đổi, cải chính hộ tịch, điều này gây lãng phí thời gian và chi phí đi lại cho công dân.

3. Kiến nghị thực thi: Đề nghị phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện thủ tục thay đổi, cải chính hộ tịch cho người chưa đủ 14 tuổi trong trường hợp người chưa đủ 14 tuổi xác định lại dân tộc có yêu cầu cải chính hộ tịch tại Điều 7 Luật Hộ tịch năm 2014.

4. Lợi ích phương án đơn giản hóa: Việc quy định thẩm quyền thực hiện TTHC cho Ủy ban nhân dân cấp huyện giúp cắt giảm thời gian, chi phí đi lại cho công dân, đồng thời tạo sự đơn giản, nhanh chóng cho công dân mà vẫn đảm bảo đúng quy định của pháp luật khi thực hiện TTHC.

+ Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 175.102 đồng/đôi tượng/lần thực hiện TTHC.

+ Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 129.390 đồng/đồng/đôi tượng/lần thực hiện TTHC.

+ Chi phí tiết kiệm: 45.712 đồng/đôi tượng/lần thực hiện TTHC.

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 26%.

A.3. Thủ tục hành chính cấp xã (01 thủ tục)

*** Lĩnh vực Hộ tịch:**

1. Nội dung đơn giản hóa:

Đề nghị bổ sung “*Trường hợp người chết là người địa phương chết tại nơi cư trú thì Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện cấp Trích lục khai tử*” vào điểm d khoản 2 Điều 4 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch.

2. Lý do:

Theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 4 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch quy định:

“2. Khi đăng ký khai tử theo quy định của Luật Hộ tịch, nội dung khai tử phải bao gồm các thông tin: Họ, chữ đệm, tên, năm sinh của người chết; số định danh cá nhân của người chết, nếu có; nơi chết; nguyên nhân chết; giờ, ngày, tháng, năm chết theo Dương lịch; quốc tịch nếu người chết là người nước ngoài.

Nội dung đăng ký khai tử được xác định theo Giấy báo tử hoặc giấy tờ thay Giấy báo tử do cơ quan có thẩm quyền sau đây cấp:

...đ) Đối với người chết không thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm a, b, c và d của khoản này thì Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó chết có trách nhiệm cấp Giấy báo tử.”

Theo đó, tại điểm d nêu trên, trong trường hợp người chết là người địa phương chết tại nơi cư trú thì Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó chết phải thực hiện đồng thời vừa cấp Giấy báo tử sau đó lại cấp Trích lục khai tử theo quy định tại Điều 34 Luật Hộ tịch. Việc thực hiện cấp cả 02 loại giấy tờ nêu trên trong trường hợp này là không cần thiết.

3. Kiến nghị thực thi

Bổ sung “*Trường hợp người chết là người địa phương chết tại nơi cư trú thì Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện cấp Trích lục khai tử, không phải cấp Giấy báo tử*” vào điểm d khoản 2 Điều 4 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch.

4. Lợi ích phương án đơn giản hóa:

Việc cắt giảm thủ tục cấp Giấy báo tử trong trường hợp này sẽ tiết kiệm thời gian, chi phí đi lại và tạo điều kiện thuận lợi cho đối tượng khi thực hiện thủ tục hành chính:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 17.902.446 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 9.217.458 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 8.684.988đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 48,5%.

B. LĨNH VỰC NỘI VỤ (01 thủ tục hành chính cấp tỉnh)

1. Thủ tục báo cáo tổ chức đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường

1.1. Nội dung đơn giản hóa:

Đề xuất bãi bỏ thành phần hồ sơ *“Đối với nhân sự dự kiến là người đứng đầu hội phải có sơ yếu lý lịch, phiếu lý lịch tư pháp, văn bản đồng ý của cơ quan có thẩm quyền theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ”*.

1.2. Lý do:

- Đối với tổ chức hội mà Chủ tịch, Phó Chủ tịch hội là công chức hoặc viên chức, công tác nhân sự đối với lãnh đạo hội được thực hiện theo quy trình công tác cán bộ, tài liệu, hồ sơ quản lý theo chế độ tài liệu mật. Vì vậy, việc đưa hồ sơ giới thiệu nhân sự (*khi chưa công khai*) trong thành phần hồ sơ TTHC là không phù hợp.

- Lãnh đạo tổ chức hội các cấp thuộc thẩm quyền quản lý của cấp ủy các cấp, hồ sơ giới thiệu nhân sự được thực hiện theo quy chế bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử do cấp ủy ban hành.

- Bên cạnh đó, quy định hồ sơ người đứng đầu hội phải có *“Phiếu lý lịch tư pháp”* đã được sửa đổi tại khoản 4 Điều 1 Thông tư số 01/2022/TT-BNV của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ngày 16/01/2022: *“Nhân sự dự kiến người đứng đầu hội phải có sơ yếu lý lịch, phiếu lý lịch tư pháp, trường hợp nhân sự dự kiến người đứng đầu hội là cán bộ, công chức, viên chức hoặc đã là cán bộ, công chức, viên chức nhưng đã nghỉ hưu được cơ quan có thẩm quyền đồng ý bằng văn bản theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ thì không cần phiếu lý lịch tư pháp”*.

1.3. Kiến nghị thực thi:

Đề nghị bãi bỏ thành phần hồ sơ *“Đối với nhân sự dự kiến là người đứng đầu hội phải có sơ yếu lý lịch, phiếu lý lịch tư pháp, văn bản đồng ý của cơ quan có thẩm quyền theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ”* tại điều khoản 2 Điều 2 Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16/04/2013 của Bộ Nội vụ.

1.4. Lợi ích phương án đơn giản hóa:

Việc bãi bỏ thành phần hồ sơ sẽ tiết kiệm thời gian, chi phí và tạo điều kiện thuận lợi cho đối tượng khi thực hiện thủ tục hành chính:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 32.573.010 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 25.293.310 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 7.279.700 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 22,4 %.

C. LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN (02 thủ tục hành chính cấp tỉnh)

1. Thủ tục Xác nhận hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích

1.1. Nội dung đơn giản hóa:

- Đề nghị quy định rõ số lượng hồ sơ mà đối tượng phải nộp khi thực hiện TTHC.

1.2. Lý do:

Tại Điều 11 Nghị định số 59/2017/NĐ-CP ngày 12/5/2017 của Chính phủ về quản lý tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích từ việc sử dụng nguồn gen có quy định về trình tự, thành phần hồ sơ thực hiện TTHC. Tuy nhiên, không quy định về số lượng hồ sơ, gây khó khăn cho tổ chức, cá nhân khi thực hiện TTHC.

1.3. Kiến nghị thực thi: Bổ sung quy định số lượng hồ sơ thực hiện TTHC tại Điều 11 Nghị định số 59/2017/NĐ-CP ngày 12/5/2017 của Chính phủ.

1.4. Lợi ích phương án đơn giản hóa:

Việc quy định rõ số lượng hồ sơ tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân khi thực hiện TTHC, tránh tình trạng tiêu cực, yêu cầu nhiều bộ hồ sơ gây tốn kém chi phí cho tổ chức, cá nhân khi thực hiện TTHC.

2. Thủ tục Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương

2.1. Nội dung đơn giản hóa:

- Đề nghị quy định rõ số lượng hồ sơ mà đối tượng phải nộp khi thực hiện TTHC.

2.2. Lý do:

Tại Điều 25 Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ về khuyến nông có quy định về trình tự, xây dựng, thẩm định, phê duyệt thực hiện TTHC. Tuy nhiên, không quy định về số lượng hồ sơ, gây khó khăn cho tổ chức, cá nhân khi thực hiện TTHC.

2.3. Kiến nghị thực thi: Bổ sung quy định số lượng hồ sơ thực hiện TTHC tại Điều 25 Nghị định 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ.

2.4. Lợi ích phương án đơn giản hóa:

Việc quy định rõ số lượng hồ sơ tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân khi thực hiện TTHC, tránh tình trạng tiêu cực, yêu cầu nhiều bộ hồ sơ gây tốn kém chi phí cho tổ chức, cá nhân khi thực hiện TTHC.

D. LĨNH VỰC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ (02 thủ tục hành chính cấp tỉnh)

1. Thủ tục đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện đề tài, dự án khoa học và công nghệ cấp tỉnh

1.1. Nội dung đơn giản hóa:

Đề nghị giảm thành phần hồ sơ: Báo cáo tóm tắt kết quả thực hiện Đề tài/Dự án.

1.2. Lý do:

Trong thành phần hồ sơ có “*Báo cáo tổng hợp kết quả Đề tài/Dự án*” đã thể hiện chi tiết đầy đủ các nội dung nghiên cứu, vì vậy báo cáo tóm tắt kết quả thực hiện Đề tài/Dự án là không cần thiết, việc cắt giảm báo cáo tóm tắt kết quả thực hiện Đề tài/Dự án giúp giảm thiểu thành phần hồ sơ khi thực hiện thủ tục hành chính.

1.3. Kiến nghị thực thi:

Đề nghị sửa đổi: Mẫu số 15, quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều 16 Quyết định số 25/2017/QĐ-UBND ngày 19/12/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy định tổ chức thực hiện và quản lý các đề tài, dự án khoa học và công nghệ cấp tỉnh trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

1.4. Lợi ích phương án đơn giản hóa:

Giảm thành phần hồ sơ không cần thiết, giúp giảm bớt thời gian chuẩn bị hồ sơ cũng như giảm chi phí in ấn hồ sơ cho cá nhân, tổ chức.

2. Thủ tục đăng ký kiểm tra nhà nước về đo lường đối với phương tiện đo, lượng của hàng đóng gói sẵn nhập khẩu

2.1. Nội dung đơn giản hóa:

Đề nghị giảm bớt thành phần hồ sơ: Danh mục hàng hóa (packing list).

2.2. Lý do:

Trong thành phần hồ sơ đã có hợp đồng, tờ khai hàng hóa nhập khẩu ghi rõ các loại hàng hóa, do đó không cần bổ sung thêm danh mục hàng hóa.

2.3. Kiến nghị thực thi:

Đề nghị sửa đổi: Khoản 6 Điều 10 Thông tư số 28/2013/TT-BKHCN ngày 17/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định kiểm tra nhà nước về đo lường.

2.4. Lợi ích phương án đơn giản hóa:

Giảm thành phần hồ sơ không cần thiết, giúp giảm bớt thời gian chuẩn bị hồ sơ cũng như giảm chi phí in ấn hồ sơ cho cá nhân, tổ chức.

Đ. LĨNH VỰC XÂY DỰNG (01 thủ tục hành chính cấp tỉnh)

1. Thủ tục cấp gia hạn chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng chứng chỉ hạng II, hạng III

1.1. Nội dung đơn giản hóa:

Đề nghị bãi bỏ thành phần hồ sơ tại Điểm đ, Khoản 1, Điều 76 Nghị định số 15/2021 ngày 03/3/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng: Các quyết định phân công công việc (giao nhiệm vụ) của tổ chức cho cá nhân hoặc văn bản xác nhận của đại diện

theo pháp luật của chủ đầu tư về các công việc tiêu biểu mà cá nhân đã hoàn thành theo nội dung kê khai. Người ký xác nhận phải chịu trách nhiệm về sự trung thực của nội dung xác nhận. Trường hợp cá nhân hành nghề độc lập thì phải có hợp đồng và biên bản nghiệm thu các công việc thực hiện tiêu biểu đã kê khai (*Bản sao có chứng thực hoặc tệp tin chứa ảnh màu chụp từ bản chính hoặc bản sao, xuất trình bản chính để đối chiếu*).

1.2. Lý do:

Thành phần hồ sơ TTHC tại Khoản 1, Điều 76 Nghị định số 15/2021 ngày 03/3/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng:

1. Hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề lần đầu, điều chỉnh hạng chứng chỉ, gia hạn chứng chỉ hành nghề, bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề theo Mẫu số 01 Phụ lục IV Nghị định này;

b) 02 ảnh màu cỡ 4 x 6 cm và tệp tin ảnh có nền màu trắng chân dung của người đề nghị được chụp trong thời gian không quá 06 tháng;

c) Văn bằng do cơ sở đào tạo hợp pháp cấp phù hợp với loại, hạng chứng chỉ đề nghị cấp;

Đối với văn bằng do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp, phải là bản được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định và phải có bản dịch sang tiếng Việt được công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam;

d) Chứng chỉ hành nghề đã được cơ quan có thẩm quyền cấp trong trường hợp đề nghị điều chỉnh hạng, gia hạn chứng chỉ hành nghề;

đ) Các quyết định phân công công việc (giao nhiệm vụ) của tổ chức cho cá nhân hoặc văn bản xác nhận của đại diện theo pháp luật của chủ đầu tư về các công việc tiêu biểu mà cá nhân đã hoàn thành theo nội dung kê khai. Người ký xác nhận phải chịu trách nhiệm về sự trung thực của nội dung xác nhận. Trường hợp cá nhân hành nghề độc lập thì phải có hợp đồng và biên bản nghiệm thu các công việc thực hiện tiêu biểu đã kê khai;

e) Giấy tờ hợp pháp về cư trú hoặc giấy phép lao động do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp đối với trường hợp cá nhân là người nước ngoài;

g) Bản sao kết quả sát hạch đạt yêu cầu trong trường hợp đã sát hạch trước ngày nộp hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề;

h) Các tài liệu theo quy định tại các điểm c, d, đ và e khoản này phải là bản sao có chứng thực hoặc tệp tin chứa ảnh màu chụp từ bản chính hoặc bản sao, xuất trình bản chính để đối chiếu.

Căn cứ quy định nêu trên tại Khoản 1, Điều 76 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ: Khi cấp lần đầu chứng chỉ hành nghề hoạt

động xây dựng chứng chỉ hạng II, hạng III cho người đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng đã có thành phần hồ sơ nêu trên và đã đủ điều kiện cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng, vì vậy thành phần hồ sơ này khi cấp gia hạn chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng là không cần thiết.

1.3. Kiến nghị thực thi:

Bãi bỏ thành phần hồ sơ “...đ) Các quyết định phân công công việc (giao nhiệm vụ) của tổ chức cho cá nhân hoặc văn bản xác nhận của đại diện theo pháp luật của chủ đầu tư về các công việc tiêu biểu mà cá nhân đã hoàn thành theo nội dung kê khai. Người ký xác nhận phải chịu trách nhiệm về sự trung thực của nội dung xác nhận. Trường hợp cá nhân hành nghề độc lập thì phải có hợp đồng và biên bản nghiệm thu các công việc thực hiện tiêu biểu đã kê khai;” tại Khoản 1, Điều 76 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ.

1.4. Lợi ích phương án đơn giản hóa:

Tạo thuận lợi cho tổ chức và các nhân giảm bớt thành phần hồ sơ, thời gian thực hiện, giảm chi phí và thời gian đi lại, xác nhận, nộp hồ sơ.

- + Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 108.576.700 đồng/năm.
- + Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 70.977.700 đồng/năm.
- + Chi phí tiết kiệm: 37.599.000 đồng/năm.
- + Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 34,6%.

E. LĨNH VỰC LAO ĐỘNG-THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI (01 thủ tục hành chính cấp huyện)

1. Thủ tục thăm viếng mộ liệt sĩ

1.1. Nội dung đơn giản hóa:

Đề nghị sửa đổi về thành phần hồ sơ như sau:

- Bãi bỏ các quy định **chứng thực** một trong các giấy tờ sau: Giấy chứng nhận gia đình hoặc thân nhân liệt sĩ; quyết định trợ cấp thờ cúng liệt sĩ.

- Bãi bỏ Giấy báo tin mộ liệt sĩ của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nơi quản lý mộ (đối với trường hợp mộ liệt sĩ có đầy đủ thông tin).

1.2. Lý do:

Điểm b, Khoản 1, Điều 158 và Mục 1, Điểm c, Khoản 1 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng quy định về hồ sơ đi thăm viếng mộ liệt sĩ, như sau:

"1. Người đi thăm viếng mộ liệt sĩ gửi Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội tại địa phương nơi quản lý hồ sơ gốc của liệt sĩ các giấy tờ sau:

a) Đơn đề nghị thăm viếng mộ liệt sĩ theo Mẫu số 31 Phụ lục I Nghị định này.

b) Bản sao được chứng thực từ một trong các giấy tờ sau: giấy chứng nhận gia đình hoặc thân nhân liệt sĩ; quyết định trợ cấp thờ cúng liệt sĩ.

c) Một trong các giấy tờ sau:

Đối với trường hợp mộ liệt sĩ có đầy đủ thông tin: giấy báo tin mộ liệt sĩ của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nơi quản lý mộ.

Đối với trường hợp chưa xác định được mộ cụ thể trong nghĩa trang liệt sĩ: Giấy xác nhận do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nơi quản lý mộ về việc có tên trong danh sách quản lý của nghĩa trang; bản trích lục hồ sơ liệt sĩ do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nơi quản lý hồ sơ gốc cấp; bản sao được chứng thực từ giấy xác nhận thông tin về nơi liệt sĩ hy sinh theo Mẫu số 44 Phụ lục I Nghị định này."

Tuy nhiên, qua thực tế khi thực hiện chính sách trong thời gian qua, cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra thông tin về gia đình hoặc thân nhân liệt sĩ trong danh sách quản lý lưu tại Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, đã đối chiếu với hồ sơ gốc do người dân cung cấp, do vậy không cần thiết phải **chứng thực** Giấy chứng nhận gia đình hoặc thân nhân liệt sĩ, quyết định trợ cấp thờ cúng liệt sĩ;

Đối với Giấy báo tin mộ liệt sĩ của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nơi quản lý mộ: Gia đình đã có thông tin về mộ liệt sĩ và kê khai đầy đủ thông tin trong Đơn đề nghị thăm viếng mộ liệt sĩ, do vậy không cần thiết phải cung cấp Giấy báo tin mộ liệt sĩ đối với trường hợp mộ liệt sĩ đã có đầy đủ thông tin.

1.3. Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi Điểm b và Mục 1, Điểm c, Khoản 1 và Điều 158 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng.

1.4. Lợi ích phương án đơn giản hóa:

Tạo điều kiện thuận lợi, tiết kiệm thời gian và chi phí cho người dân khi thực hiện thủ tục hành chính.

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 6.000đồng/01 hồ sơ (công chứng các giấy tờ liên quan đến hồ sơ đi thăm viếng mộ).
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 0 đồng/01 hồ sơ
- Chi phí tiết kiệm: 6.000 đồng/01 hồ sơ
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100%.